TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2023
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phú Hữu

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2023, về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 16, Tổ 6, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Lê Tấn T, sinh năm 1990 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Số 16, Tổ 6, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ.

Sau khi về chung sống thì chị D và anh T không hòa hợp nhau. Anh T thường xuyên uống rượu, không chăm chỉ làm việc có thu nhập. Lúc chị D mang thai vài tháng anh T cư xử lạnh nhạt, sau khi sinh con cũng không được anh T quan tâm chăm lo chu đáo.Thời điểm đó chị D bất mãn và ức chế đã nghĩ đến việc chia tay nhưng nghĩ vợ chồng mới cưới, không muốn hôn nhân gãy đổ nên chị D chịu đựng, hy vọng anh T cải thiện. Tuy nhiên, thời gian trôi qua, anh

T vẫn không thay đổi, còn tệ hơn, không có trách nhiệm với chị D và con chung.

Khoảng tháng 3 năm 2022, vì không thể ở chung với anh T nên chị D đã thuê nhà làm tiệm tóc ở Phường 1, thành phố C và ở luôn tại tiệm cùng với con chung, anh T thường xuyên sinh sống tại địa chỉ số Số 16, Tổ 6, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đ nhưng thỉnh thoảng anh T đến quậy khiến cuộc sống của chị D không bình yên. Vợ chồng đã ly thân 02 năm nay, không thể hàn gắn tình cảm lại được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Chị D và anh T có 01 con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 11/5/2017. Hiện nay con chung đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Tấn T: Không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án và không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Anh T đang sinh sống tại Số 16, Tổ 6, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời không có mặt tại các phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của chị D và anh T được xác lập vào năm 2016, do chị D tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị D cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án thông báo cho anh T, yêu cầu anh T trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng anh T vẫn không có ý kiến.

Xét thấy, chị D và anh T có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, chị D được ly hôn với anh Lê Tấn T, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung:* Chị D và anh T có 01 con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 11/5/2017. Hiện nay con chung đang sống chung với chị D, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án thông báo cho anh T, yêu cầu anh T trình bày về con chung nhưng anh T vẫn không có ý kiến. Con chung tên Lê Tấn L đã từng sống chung và gần gũi với chị D ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D. Tiếp tục giao con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 11/5/2017 cho chị D trực tiếp nuôi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung; Anh T không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] *Xét tài sản chung và nợ chung:* Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Anh T cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí:* Chị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Tấn T.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc D. Tiếp tục giao con chung tên Lê Tấn Lộc, sinh ngày 11/5/2017 cho chị D trực tiếp nuôi, hiện con chung đang sống chung với chị D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 00011966 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ. Như vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Tấn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Tấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên